



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 1369  
1369 CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY**  
Số: 24/CBTT-C69.2026  
No: 24/CBTT-C69.2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

*Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2026  
Hai Phong, July 1<sup>st</sup>, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Quý cổ đông.  
To: - *The State Securities Commission;*  
- *HaNoi Stock Exchange;*  
- *Esteemed Shareholders.*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369/ *Name of company :1369 CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY*

2. Mã chứng khoán: C69/ *Stock symbol: C69*

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

*Address of headoffice: No 37, 38 Dã Tượng street, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong city, Viet Nam.*

4. Điện thoại: 0220.3891.898/ *Telephone: 0220.3891.898*

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Tuấn Nghĩa – Tổng Giám đốc

*Person responsible for information disclosure: Mr. Le Tuan Nghia – General Director*

6. Loại thông tin công bố: bất thường/*Type of disclosed information:Extraordinary.*

7. Nội dung công bố thông tin/*Disclosed information content:*

Ngày 01/07/2026, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 nhận được giấy xác nhận của Phòng đăng ký Kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp – Sở Tài chính TP Hải Phòng về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. (Đính kèm giấy xác nhận)

*On July 1, 2026, 1369 Construction Joint Stock Company received the Confirmation issued by the Business Registration and Enterprise Administration Division – Hai Phong*

*Department of Finance regarding the change to the Company's enterprise registration information. (The Confirmation is attached herewith.)*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/07/2026 tại đường dẫn: [http://www.cpxd1369.com.vn./](http://www.cpxd1369.com.vn/) This information has been published on the company's website on 01/07/2026 at the link: <http://www.cpxd1369.com.vn.>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. */We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.* *sh*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**



**LÊ TUẤN NGHĨA**  
**LE TUAN NGHIA**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2026

Số:



## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP: Thành phố  
Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở: Số 6 đường Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng,  
Việt Nam

Điện thoại: 0225 3823769

Số Fax:

Thư điện tử: dkkdhaiphong@gmail.com

Website:

### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Mã số doanh nghiệp: 0800282385

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký  
kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về  
đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến đá, đất sét	0810
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, theo hợp đồng	4932
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
8	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Điều hành tua du lịch (Loại trừ: Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7912

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát, thi công lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. (Không bao gồm ngành nghề thuộc mục A.20 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	7110
10	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất vôi	2394
11	Phá dỡ	4311
12	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm các ngành nghề thuộc mục A.10 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ - CP)	4312
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt kết cấu thép	4329
18	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng	4330
20	Xây dựng công trình điện (Loại trừ: Không bao gồm các hoạt động thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại: truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221
21	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25	Xây dựng công trình thủy (Không bao gồm các ngành nghề thuộc mục A.1.11 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	4291
26	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

STT	Tên ngành	Mã ngành
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Biểu cam kết WTO, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương)	4610
31	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, (Loại trừ: không bao gồm hoạt động “đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng”.)	6810(Chính)
32	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy sản xuất vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (Không bao gồm các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Biểu cam kết WTO, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương)	4659
33	Bán buôn thực phẩm (Không bao gồm các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Biểu cam kết WTO, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương)	4632
34	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu.	2393
35	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
36	Đại lý lữ hành Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điều 31 Luật Du lịch số 09/2017/QH14) (Loại trừ: Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7911

STT	Tên ngành	Mã ngành
37	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản (Không bao gồm Dịch vụ Định giá Bất động sản và các ngành nghề thuộc mục A5 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ – CP)	6821
38	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
39	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 67 Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15); Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 67 Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15) (Loại trừ: không bao gồm Dịch vụ Định giá Bất động sản) (Không bao gồm Dịch vụ Định giá Bất động sản và các ngành nghề thuộc mục A5 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ – CP)	6829
40	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ gia sản xuất xi măng; Bán buôn khoáng sản đá đã qua chế biến; bán buôn vật tư, thiết bị điện mặt trời. (Không bao gồm các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Biểu cam kết WTO, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương)	4679
41	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
42	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
43	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4781
44	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Quản lý dự án và tư vấn quản lý dự án (Không bao gồm hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
45	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
46	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4672
47	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than, các sản phẩm từ than	4671
48	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ	5520
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng	7730
51	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: mua bán hàng hóa gồm sứ, thủ công mỹ nghệ	4649

STT	Tên ngành	Mã ngành
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Biểu cam kết WTO, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và Thông tư 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương)	8299
53	Ghi chú: - Doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện . - Đối với ngành nghề kinh doanh có ghi mục "Chi tiết", doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
1369. Địa chỉ:Số 37,38 phố Dã Tượng,  
Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải  
Phòng, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Hồng Minh.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Vũ Huy Cường**